

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 3 – 2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI – TỈNH NINH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Long**;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Tuấn và bà Võ Thị Thơ;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trí – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 426/2024/TLST – HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phan Văn T** – sinh năm: 1987 (vắng mặt, có yêu cầu vắng mặt).

Nơi thường trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nơi tạm trú: số A, đường N, khu dân cư H, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích H** – sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Bích H tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 18/3/2013. Hiện nay Giấy chứng nhận kết hôn bản chính đã bị thất lạc chỉ cung cấp bản sao. Vợ chồng có 03 con chung là cháu Phan Thị Tường V – sinh ngày 03/6/2013; Phan Văn Chí D – sinh ngày 16/8/2015 và Phan Văn Chí D1 – sinh ngày 03/7/2019.

Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc, khi cha mẹ ông mất thì bà H và các con không về đề tang nên bà H không có hiếu, bà H đang quen người đàn ông khác, ông đã khuyên bảo nhiều lần nhưng bà H vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông đồng ý giao các con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 7.500.000 đồng/tháng/03con, kể từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự túc được. Ông làm nhà thầu xây dựng, thu nhập trung bình mỗi tháng 14.000.000 đồng. Bà H hiện nay làm gì, thu nhập bao nhiêu ông không rõ.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, riêng Bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, ông T được ly hôn với bà H; giao 03 con chung Phan Thị Tường V, Phan Văn Chí D và Phan Văn Chí D1 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 7.500.000 đồng/tháng/03con, kể từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn. Tại phiên tòa ông Phan Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Bích H kết hôn là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 18/3/2013, theo quy định của pháp luật đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn ông Phan Văn T cho rằng vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, bà H không tôn trọng gia đình ông, đang quen người đàn ông khác ... Ông và bà H đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Xét thấy: lời trình bày của ông T phù hợp với biên bản xác minh ngày 18/02/2025 tại địa phương (BL 36). Hơn nữa dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng bà H không đến Tòa làm việc, chứng tỏ bà H có thái độ bỏ mặc, muốn ra sao thì ra. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[2.2] Về con chung: Ông Phan Văn T đồng ý giao 03 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung Phan Thị Tường V, Phan Văn Chí D tính đến ngày mở phiên tòa cháu V, cháu D trên 7 tuổi và tại đơn trình bày ý kiến cháu V, cháu D trình bày *"Trường hợp cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ"*. Đây là nguyện vọng chính đáng của trẻ được pháp luật bảo vệ. Hơn nữa cháu còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần cho con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu V, cháu D, cháu D1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T đồng ý tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung mỗi tháng 7.500.000 đồng (tức mỗi con chung là 2.500.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi lao động tự túc được. Chi phí này là phù hợp với tình hình giá cả thị trường hiện nay, là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Phan Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân) và án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng) theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn luật định các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật

tổ tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích H.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích H có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Phan Thị Tường V – sinh ngày 03/6/2013; Phan Văn Chí D – sinh ngày 16/8/2015 và Phan Văn Chí D1 – sinh ngày 03/7/2019. Ông Phan Văn T đồng ý cấp dưỡng nuôi 03 con chung với số tiền là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng/03 con (tức là 2.500.000 đồng/01 con chung/1 tháng), kể từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được (hiện các cháu đang ở với bà H).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Ông Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phan Văn T (do Nguyễn Phạm Xuân T1 nộp thay) đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0003995 ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/3/2025).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- THA dân sự huyện Ninh Hải;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

Vũ Thanh Long